

Mẫu số 01-B

CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 56/CV-CBTT-TET

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) giữa niên độ đã được soát xét năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc

- Mã chứng khoán: TET

- Địa chỉ: Số 79 phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: 024 39360808 Fax: 024 39360909

- Email: [hoaltk63@gmail.com](mailto:hoaltk63@gmail.com) Website: [www.textaco.vn](http://www.textaco.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC giữa niên độ (đã được soát xét) năm 2024

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

Có  Không

Vấn bản giải trình trong các trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023)

Có  Không

Vấn bản giải trình trong các trường hợp tích có:

Có  Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có  Không

Văn bản giải trình trong những trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có  Không

Văn bản giải trình trong những trường hợp tích có:

Có  Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2024 tại đường dẫn [www.textaco.vn](http://www.textaco.vn)

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị gửi báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Chi tiết tại trang 16 và 17 của BCTC giữa niên độ năm 2024
- 3.1. Đầu tư vốn với Công ty TNHH xây dựng dân dụng và thương mại Thái Minh
  - Giá trị giao dịch: 30.000.000.000 đồng
  - Tỷ trọng giá trị giao dịch / Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất): 25,41%
  - Ngày hoàn thành giao dịch: 31/12/2024
- 3.2. Đầu tư vốn với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và kinh doanh thương mại Bảo Long
  - Giá trị giao dịch: 25.000.000.000 đồng
  - Tỷ trọng giá trị giao dịch / tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất): 21,17%
  - Ngày hoàn thành giao dịch: 31/12/2024

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC giữa niên độ (đã soát xét) 2024

**Đại diện tổ chức**

**NGƯỜI UQ CBTT**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Phạm Hoàng Long*

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(đã được soát xét)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05 - 31
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09 - 31

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100108127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 07 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 05 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 79, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT BAO GỒM:

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Diệu Thùy	Chủ tịch HĐQT
Ông: Trần Thành Vinh	Phó chủ tịch HĐQT
Ông: Phạm Hoàng Long	Thành viên HĐQT
Ông: Nguyễn Xuân Thu	Thành viên HĐQT
Ông: Trần Đức Chung	Thành viên HĐQT

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Phạm Hoàng Long	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Phùng Thị Kim Lan	Trưởng Ban kiểm soát
Ông: Chu Hoàng Nam	Thành viên Ban kiểm soát
Bà: Bùi Thị Minh Phương	Thành viên Ban kiểm soát

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

**Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc**  
Số 79, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Phạm Hoàng Long*

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024



Số: 140824.031/BCTC.KT7

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc được lập ngày 14 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Cát Thị Hà

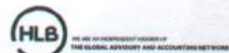
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>85.043.612.108</b>	<b>85.961.841.378</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	23.107.498.772	76.243.284.987
111	1. Tiền		18.107.498.772	71.243.284.987
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	5.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		58.188.647.256	7.525.506.597
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	715.599.500	-
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	440.300.000	440.300.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	06	55.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	07	2.032.747.756	7.085.206.597
140	III. Hàng tồn kho	08	1.961.829.735	1.197.439.325
141	1. Hàng tồn kho		3.766.663.169	2.529.770.686
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.804.833.434)	(1.332.331.361)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.785.636.345	995.610.469
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	56.176.928	107.687.725
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	1.729.459.417	887.922.744
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>33.038.927.668</b>	<b>34.775.537.335</b>
220	I. Tài sản cố định		31.260.109.448	32.533.749.143
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	31.260.109.448	32.533.749.143
222	- Nguyên giá		82.522.527.733	82.522.527.733
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(51.262.418.285)	(49.988.778.590)
260	II. Tài sản dài hạn khác		1.778.818.220	2.241.788.192
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.778.818.220	2.241.788.192
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>118.082.539.776</b>	<b>120.737.378.713</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.525.111.776</b>	<b>5.142.143.158</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>4.525.111.776</b>	<b>5.142.143.158</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	14.756.660	11.436.219
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	100.500
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.453.757.179	1.890.891.178
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	165.313.920	40.000.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	1.468.500.185	1.571.935.889
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.422.783.832	1.627.779.372
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>113.557.428.000</b>	<b>115.595.235.555</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	15	<b>113.557.428.000</b>	<b>115.595.235.555</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		57.029.400.000	57.029.400.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		57.029.400.000	57.029.400.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		36.918.381.798	34.600.316.649
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.609.646.202	23.965.518.906
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		19.009.345.697	14.693.258.309
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		600.300.505	9.272.260.597
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>118.082.539.776</b>	<b>120.737.378.713</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Đức Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Hoàng Long

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	11.920.505.128	11.398.419.808
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.920.505.128	11.398.419.808
11	4. Giá vốn hàng bán	18	7.384.779.167	5.026.711.373
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.535.725.961	6.371.708.435
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	1.962.555.208	3.593.672.567
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	3.547.820.188	2.910.458.331
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.950.460.981	7.054.922.671
31	11. Thu nhập khác	21	2.287.071.263	2.668.080.681
32	12. Chi phí khác	22	788.322.346	1.236.178.599
40	13. Lợi nhuận khác		1.498.748.917	1.431.902.082
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.449.209.898	8.486.824.753
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	997.439.393	1.909.791.143
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.451.770.505	6.577.033.610
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	605	1.153

Người lập biểu

Nguyễn Thị Đức Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Hoàng Long

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		12.575.952.641	15.261.787.289
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.151.845.562)	(6.487.505.188)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.677.036.850)	(2.444.659.206)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.317.039.880)	(1.201.027.908)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		410.725.585	383.530.135
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.490.982.800)	(6.186.374.091)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(650.226.866)	(674.248.969)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(55.000.000.000)	(55.000.000.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.077.130.551	3.353.425.991
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(47.922.869.449)	(51.646.574.009)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.562.689.900)	(3.421.371.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.562.689.900)	(3.421.371.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(53.135.786.215)	(55.742.193.978)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		76.243.284.987	75.866.020.668
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	23.107.498.772	20.123.826.690

Người lập biểu

Nguyễn Thị Đức Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Phạm Hoàng Long

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100108127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 07 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 05 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 79, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 57.029.400.000 VND; tương đương 5.702.940 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 70 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 63 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Gia công sản phẩm may mặc và cho thuê kho, văn phòng, kinh doanh bất động sản.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh văn phòng làm việc;
- Kinh doanh kho bãi;
- Gia công hàng may mặc;
- Kinh doanh bất động sản.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

- Theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐCĐ ngày 21/04/2023, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương hướng hoạt động Công ty mở lại hoạt động sản xuất hàng may mặc. Từ tháng 5/2023, Công ty đã bắt đầu đi vào sản xuất sản phẩm may mặc, Công ty đang trong giai đoạn đầu phát triển và sản xuất sản lượng nhỏ. Tuy nhiên, do Công ty chưa có nhóm khách hàng ổn định, chi phí đầu tư ban đầu lớn nên hoạt động sản xuất hàng may mặc chưa đem lại lợi nhuận cho Công ty.
- Trong 6 tháng năm 2024, hoạt động đem lại doanh thu chính cho Công ty là hoạt động cho thuê kho. Tuy nhiên, tính cạnh tranh cao của dịch vụ này dẫn đến số lượng khách hàng thuê kho giảm so với 6 tháng năm 2023. Mặc dù Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng đơn giá cho thuê đối với một số khách hàng truyền thống, nhưng doanh thu dịch vụ 6 tháng đầu năm 2024 vẫn giảm khoảng 1% so với 6 tháng năm 2023.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI Công ty

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và ước tính thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính chi phí phải trả;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

## 2.4. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## 2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## 2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Một số nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty vừa được sử dụng cho mục đích chủ sở hữu sử dụng, vừa được sử dụng để cho thuê. Tuy nhiên, hoạt động cho thuê chỉ được triển khai trong ngắn hạn, Công ty dự kiến sẽ thực hiện triển khai khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong thời gian tới trên phần tài sản này. Vì vậy, toàn bộ giá trị của các nhà cửa, vật kiến trúc này được Công ty theo dõi trên khoản mục Tài sản cố định hữu hình. Tại ngày 30/06/2024, nguyên giá tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc tại kho Đức Giang đang được cho thuê là: 48.273.296.865 VND, hao mòn lũy kế là 30.673.512.018 VND.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 06 năm

## 2.10. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng trong 3 năm;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 đến 12 tháng.

#### 2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### 2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí tiền điện, chi phí kiểm toán được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

#### 2.15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



#### 2.16. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

##### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

##### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

#### 2.18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

#### 2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

#### 2.20. Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cho thuê nhà xưởng và diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	90.583.683	332.149.361
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.016.915.089	70.911.135.626
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	5.000.000.000
	<b>23.107.498.772</b>	<b>76.243.284.987</b>

Tại ngày 30/06/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng có giá trị 5.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch với lãi suất 1,8%/năm.

### 4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Bên khác</i>	<b>715.599.500</b>	-	-	-
- Công ty TNHH RUE DES CHATS RETAIL	698.544.000	-	-	-
- Chi nhánh Tổng Công ty bưu điện Việt Nam - Bưu điện TP Hà Nội	17.055.500	-	-	-
	<b>715.599.500</b>	-	-	-

### 5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<b>225.300.000</b>	-	<b>225.300.000</b>	-
- Công ty TNHH Liên Doanh SACIDELTA	225.300.000	-	225.300.000	-
<i>Bên khác</i>	<b>215.000.000</b>	-	<b>215.000.000</b>	-
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Phúc Minh	215.000.000	-	215.000.000	-
	<b>440.300.000</b>	-	<b>440.300.000</b>	-

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Bên khác</i>	-	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Thương mại Thái Minh (1)	-	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Thương mại Bảo Long (2)	-	-	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
	-	-	55.000.000.000	-	55.000.000.000	-

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:

(1) Hợp đồng cho vay số 02/HĐVV/VSMB-TM ngày 03/01/2024 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích đầu tư: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Thương mại Thái Minh thực hiện Hợp đồng thi công số 0811/2023/HĐTC/DELTA-V-TM ngày 08/11/2023 về việc thi công xây dựng phần thân dự án Waterfront City Development Công trình Chung cư cao 28 tầng tại lô CT4 thuộc phường Kênh Dương và phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, TP Hải Phòng.
- Thời hạn cho vay: Từ ngày 03/01/2024 đến ngày 31/12/2024;
- Kỳ hạn thanh toán lãi: Thanh toán lãi vào cuối kỳ;
- Lãi suất cho vay: 7%/năm;
- Tài sản đảm bảo: Bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba tổng giá trị tài sản đảm bảo theo Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo là 30.960.000.000 VND, cụ thể:
  - + Căn hộ chung cư số B1101 tầng 11 toà B - Toà nhà tổ hợp Sky City Tower 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
  - + Căn hộ chung cư số 1304 tầng 13 cao ốc thương mại căn hộ Icon 56, số 56 Bến Vân Đồn và 20/57 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.
- Tổng số vốn cho vay tại thời điểm 30/06/2024 là 30.000.000.000 VND.

(2) Hợp đồng cho vay số 01/HDVV/VSMB-BL ngày 03/01/2024 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích đầu tư: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Thương mại Bảo Long thực hiện Hợp đồng thi công số 3011/2023/HĐTCDELTA-V-BL ngày 30/11/2023 về việc thi công hoàn thiện biệt thự BT01 thuộc dự án Khu đô thị Mường Hoa, Sapa tại phường Cầu Mây, thị xã Sapa, tỉnh Lào Cai.
- Thời hạn cho vay: từ ngày 03/01/2024 đến ngày 31/12/2024;  
Kỳ hạn thanh toán lãi: thanh toán lãi vào cuối kỳ;
- Lãi suất cho vay: 7%/năm;
- Tài sản đảm bảo: Bảo lãnh bằng tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và kinh doanh Thương mại Bảo Long là toà nhà D-Building, số 81 phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội với tổng giá trị tài sản đảm bảo theo Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo ngày 03/01/2024 là 60.000.000.000 VND.
- Tổng số vốn cho vay tại thời điểm 30/06/2024 là 25.000.000.000 VND.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Chi tiết theo nội dung</i>				
- Lãi phải thu hợp đồng cho vay	1.898.630.137	-	6.996.849.315	-
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	20.465.753	-	36.821.918	-
- Phải thu người lao động	1.200.000	-	-	-
- Phải thu khác	112.451.866	-	51.535.364	-
	<b>2.032.747.756</b>	<b>-</b>	<b>7.085.206.597</b>	<b>-</b>
<i>b) Chi tiết theo đối tượng</i>				
<i>Bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Bên khác</i>	2.032.747.756	-	7.085.206.597	-
- Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Thương mại Thái Minh (1)	1.035.616.438	-	3.835.890.411	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Thương mại Bảo Long (2)	863.013.699	-	3.160.958.904	-
- Phải thu khác	134.117.619	-	88.357.282	-
	<b>2.032.747.756</b>	<b>-</b>	<b>7.085.206.597</b>	<b>-</b>

(1) Khoản lãi phải thu của Hợp đồng cho vay số 02 ngày 03/01/2024 với lãi suất cho vay là 7%/năm. Số nợ lãi phải thu tại ngày 30/06/2024 là 1.035.616.438 VND.

(2) Khoản lãi phải thu của Hợp đồng cho vay số 01 ngày 03/01/2024 với lãi suất cho vay là 7%/năm. Số nợ lãi phải thu tại ngày 30/06/2024 là 863.013.699 VND.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	16.803.050	-	25.426.500	-
- Thành phẩm	3.749.860.119	(1.804.833.434)	2.504.344.186	(1.332.331.361)
	<b>3.766.663.169</b>	<b>(1.804.833.434)</b>	<b>2.529.770.686</b>	<b>(1.332.331.361)</b>

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	77.446.040.514	376.291.000	2.038.765.454	2.661.430.765	82.522.527.733
Số dư cuối kỳ	<u>77.446.040.514</u>	<u>376.291.000</u>	<u>2.038.765.454</u>	<u>2.661.430.765</u>	<u>82.522.527.733</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	45.553.397.794	369.991.687	2.038.765.454	2.026.623.655	49.988.778.590
- Khấu hao trong kỳ	1.238.920.776	6.299.313	-	28.419.606	1.273.639.695
Số dư cuối kỳ	<u>46.792.318.570</u>	<u>376.291.000</u>	<u>2.038.765.454</u>	<u>2.055.043.261</u>	<u>51.262.418.285</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	31.892.642.720	6.299.313	-	634.807.110	32.533.749.143
Tại ngày cuối kỳ	<u>30.653.721.944</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>606.387.504</u>	<u>31.260.109.448</u>

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.309.808.069 VND.

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.000.001	100.741.011
- Chi phí bảo hiểm cháy nổ	42.376.927	6.946.714
- Chi phí Internet	8.800.000	-
	<u>56.176.928</u>	<u>107.687.725</u>
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.778.818.220	2.241.788.192
	<u>1.778.818.220</u>	<u>2.241.788.192</u>

## 11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Bên khác</i>	14.756.660	14.756.660	11.436.219	11.436.219
- Công ty Cổ phần công trình đô thị Phú Thành	11.844.660	11.844.660	11.436.219	11.436.219
- Trung tâm kinh doanh VNPT - Hà Nội - Chi nhánh Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông	2.912.000	2.912.000	-	-
	<u>14.756.660</u>	<u>14.756.660</u>	<u>11.436.219</u>	<u>11.436.219</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	736.210.217	1.105.605.216	1.216.757.028	-	625.058.405
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.118.191.899	997.439.393	1.317.039.880	-	798.591.412
- Thuế thu nhập cá nhân	-	36.489.062	113.610.535	119.992.235	-	30.107.362
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	887.922.744	-	2.651.988.352	3.493.525.025	1.729.459.417	-
- Các loại thuế khác	-	-	1.711.911.900	1.711.911.900	-	-
	<b>887.922.744</b>	<b>1.890.891.178</b>	<b>6.580.555.396</b>	<b>7.859.226.068</b>	<b>1.729.459.417</b>	<b>1.453.757.179</b>

(\*) Số phải nộp trong kỳ của Thuế nhà đất, tiền thuê đất bao gồm:

- Tiền thuê đất phải nộp trong 6 tháng đầu năm 2024 là 4.324.015.264 VND;

- Tiền thuê đất được miễn giảm năm 2023 là 1.672.026.912 VND, căn cứ theo Quyết định số 34828/QĐ-CTHN-QLĐ ngày 10/06/2024 của Cục thuế Thành phố Hà Nội về việc giảm tiền thuê đất phải nộp năm 2023 theo Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ tại địa điểm đất thuê lô đất mã điểm đất LBI0202, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Trích trước chi phí tiền điện	130.033.920	-
- Chi phí phải trả khác	35.280.000	40.000.000
	<b>165.313.920</b>	<b>40.000.000</b>

**14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo nội dung</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.432.629.000	1.534.631.500
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	21.690.482	22.028.382
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.180.703	15.276.007
	<b>1.468.500.185</b>	<b>1.571.935.889</b>
<b>b) Chi tiết theo đối tượng</b>		
- Công ty TNHH Thời trang ELISE	255.744.000	255.744.000
- Công ty Cổ phần Maison Retail Management International - Chi nhánh Hà Nội	324.555.000	324.555.000
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Anh Đạt	150.240.000	150.240.000
- Phải trả khác	737.961.185	841.396.889
	<b>1.468.500.185</b>	<b>1.571.935.889</b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	57.029.400.000	32.161.096.294	19.819.048.806	109.009.545.100
Lãi trong kỳ trước	-	-	6.577.033.610	6.577.033.610
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	2.439.220.355	(2.439.220.355)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(975.688.142)	(975.688.142)
Chia cổ tức năm 2022 bằng tiền	-	-	(1.710.882.000)	(1.710.882.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền	-	-	(1.710.882.000)	(1.710.882.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>57.029.400.000</b>	<b>34.600.316.649</b>	<b>19.559.409.919</b>	<b>111.189.126.568</b>
Số dư đầu kỳ này	57.029.400.000	34.600.316.649	23.965.518.906	115.595.235.555
Lãi trong kỳ này	-	-	3.451.770.505	3.451.770.505
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	2.318.065.149	(2.318.065.149)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(927.226.060)	(927.226.060)
Chia cổ tức năm 2023 bằng tiền	-	-	(1.710.882.000)	(1.710.882.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền (**)	-	-	(2.851.470.000)	(2.851.470.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>57.029.400.000</b>	<b>36.918.381.798</b>	<b>19.609.646.202</b>	<b>113.557.428.000</b>



Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 39/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2023		9.272.260.597
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	25	2.318.065.149
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	10	927.226.060
Đã tạm ứng cổ tức trong năm 2023	3%/ cổ phần	1.710.882.000
Chi trả cổ tức bổ sung trên lợi nhuận năm 2023 (tương ứng mỗi cổ phần nhận 300 VND)	3%/ cổ phần	1.710.882.000

(\*\*) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 41/2024/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 04 năm 2024, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền mức 5% vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 500 VND), tương ứng với số tiền là 2.851.470.000 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	19.960.290.000	35,00	19.960.290.000	35,00
Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ Delta-V	19.960.290.000	35,00	19.960.290.000	35,00
Bà Trần Minh Quỳnh Dung	6.171.870.000	10,82	6.171.870.000	10,82
Ông Phạm Hoàng Long	6.908.620.000	12,11	6.908.620.000	12,11
Cổ đông khác	4.028.330.000	7,07	4.028.330.000	7,07
	<b>57.029.400.000</b>	<b>100,00</b>	<b>57.029.400.000</b>	<b>100,000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	57.029.400.000	57.029.400.000
- Vốn góp cuối kỳ	57.029.400.000	57.029.400.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	22.028.382	21.635.382
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	4.562.352.000	3.421.764.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.710.882.000	1.710.882.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	2.851.470.000	1.710.882.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	4.562.689.900	3.421.348.800
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.711.911.900	1.710.674.400
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	2.850.778.000	1.710.674.400
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	<b>21.690.482</b>	<b>22.050.582</b>

d) Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.702.940	5.702.940
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.702.940	5.702.940
- Cổ phiếu phổ thông	5.702.940	5.702.940
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.702.940	5.702.940
- Cổ phiếu phổ thông	5.702.940	5.702.940
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	36.918.381.798	34.600.316.649
	<b>36.918.381.798</b>	<b>34.600.316.649</b>

**16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2024, các khoản tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	13.627.818.600	21.315.953.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	18.033.529.800	14.510.848.000

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất dài hạn 30 năm tại lô đất mã điểm đất LBI0202, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội (từ năm 2004 đến năm 2034) sử dụng đất với mục đích sản xuất kinh doanh. Diện tích khu đất thuê là 25.482 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty sở hữu số đo của khu đất và phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký hợp đồng thuê đất dài hạn 30 năm tại lô đất Số 79, phố Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội (từ năm 2003 đến năm 2033). Diện tích khu đất thuê là 12.423 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty sở hữu số đo các khu đất và phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Hiện nay, Công ty đang có chủ trương thực hiện dự án Red River View (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27).

c) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	30/06/2024	01/01/2024
- Đô la Mỹ	USD	1.230,43	1.237,03

**17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.043.900.000	417.880.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.876.605.128	10.980.539.808
	<b>11.920.505.128</b>	<b>11.398.419.808</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.200.540.816	287.258.432
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.711.736.278	4.739.452.941
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	472.502.073	-
	<b>7.384.779.167</b>	<b>5.026.711.373</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	63.925.071	162.028.731
Lãi từ hoạt động cho vay	1.898.630.137	3.431.643.836
	<b>1.962.555.208</b>	<b>3.593.672.567</b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	973.963.435	832.642.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.407.254	23.407.254
Thuế, phí và lệ phí	1.369.276.706	1.519.276.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.200.809	47.838.948
Chi phí khác bằng tiền	1.070.971.984	487.293.422
	<b>3.547.820.188</b>	<b>2.910.458.331</b>

**21. THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tiền trông giữ xe	181.704.546	191.114.546
Tiền điện, nước của đối tượng cho thuê kho, văn phòng	433.339.005	312.014.505
Thu nhập từ miễn giảm tiền thuê đất năm 2023 (***)	1.672.026.912	2.152.951.630
Thu nhập khác	800	12.000.000
	<b>2.287.071.263</b>	<b>2.668.080.681</b>

(\*\*\*) Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 12.

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tiền điện, nước của đối tượng cho thuê kho, văn phòng	399.335.280	315.047.640
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng tại Lạc Trung	386.787.666	386.787.666
Chi phí lương không phục vụ sản xuất kinh doanh	-	425.743.293
Chi phí phạt vi phạm hành chính	2.199.400	80.000.000
Chi phí khác	-	28.600.000
	<b>788.322.346</b>	<b>1.236.178.599</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.449.209.898	8.486.824.753
Các khoản điều chỉnh tăng	537.987.066	1.062.130.959
- Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	123.000.000	123.000.000
- Chi phí lương không phục vụ sản xuất kinh doanh trong kỳ	-	425.743.293
- Chi phí khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất kinh doanh trong kỳ	386.787.666	386.787.666
- Chi phí không hợp lệ	28.199.400	126.600.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.987.196.964	9.548.955.712
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>997.439.393</b>	<b>1.909.791.143</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	1.118.191.899	984.727.915
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(1.317.039.880)	(1.201.027.908)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>798.591.412</b>	<b>1.693.491.150</b>

#### 24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	3.451.770.505	6.577.033.610
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.451.770.505	6.577.033.610
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.702.940	5.702.940
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>605</b>	<b>1.153</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

#### 25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	800.369.249	247.933.733
Chi phí nhân công	4.429.289.550	2.567.579.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	886.852.029	911.910.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	292.679.639	68.113.948
Chi phí khác bằng tiền	5.296.422.748	4.938.141.024
<b>11.705.613.215</b>	<b>8.733.678.005</b>	

#### 26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

##### Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

##### Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

##### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

##### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.016.915.089	-	-	23.016.915.089
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.748.347.256	-	-	2.748.347.256
Các khoản cho vay	55.000.000.000	-	-	55.000.000.000
	<b>80.765.262.345</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>80.765.262.345</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.911.135.626	-	-	75.911.135.626
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.085.206.597	-	-	7.085.206.597
Các khoản cho vay	-	-	-	-
	<b>82.996.342.223</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>82.996.342.223</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.483.256.845	-	-	1.483.256.845
Chi phí phải trả	165.313.920	-	-	165.313.920
	<b>1.648.570.765</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.648.570.765</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.583.372.108	-	-	1.583.372.108
Chi phí phải trả	40.000.000	-	-	40.000.000
	<b>1.623.372.108</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.623.372.108</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 27. THÔNG TIN KHÁC

Hoạt động đầu tư dự án "Trung tâm Thương mại - Dịch vụ, văn phòng làm việc và chung cư cao tầng" tên gọi cũ: "Tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ để bán hoặc cho thuê (Dự án Red River View)":

- Giai đoạn trước ngày 05/09/2017:

Ngày 07/11/2016, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 12/NQHĐQT-VSMMMB về việc thực hiện Dự án Red River View cụ thể như sau:

- + Tên dự án: Dự án tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ để bán hoặc cho thuê (Dự án Red River View);
  - + Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc;
  - + Địa điểm thực hiện dự án: Tại khu đất số 79 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;
  - + Mục đích đầu tư: Đầu tư tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ để bán hoặc cho thuê;
  - + Quy mô dự án: Dự án được xây dựng trên khu đất rộng 12.407 m<sup>2</sup>; 03 tầng hầm; 24 tầng nổi; mật độ 39%; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 145.000 m<sup>2</sup>;
  - + Tổng mức đầu tư dự án dự kiến: 1.300.000.000.000 VND;
  - + Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu. Số cổ phần dự kiến phát hành thêm là 12.318.350 cổ phần. Tổng vốn điều lệ sau khi phát hành dự kiến là 180.212.900.000 VND. Thời gian phát hành sẽ được Hội đồng Quản trị Công ty quyết định sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép;
  - + Thời gian thực hiện dự án: Dự kiến từ năm 2017 đến năm 2020.
- Giai đoạn từ ngày 05/09/2017 đến nay:
- Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc quản lý sử dụng khu đất 79 Lạc Trung và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Nhật Anh quản lý sử dụng khu đất 605 Minh Khai cùng hợp tác đầu tư xây dựng dự án trên hai khu đất này. Các nội dung thay đổi bao gồm:
- + Căn cứ triển khai dự án: Nghị quyết số 12/NQHĐQT-VSMMMB ngày 07/11/2016 của Hội đồng Quản trị. Hợp đồng kinh doanh số 09-2017/HĐHTKD ngày 05/09/2017 giữa Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc quản lý sử dụng khu đất 79 Lạc Trung và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Nhật Anh;
  - + Tên dự án: đổi tên dự án từ "Dự án Tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ để bán hoặc cho thuê (Dự án Red River View)" thành "Trung tâm Thương mại - Dịch vụ, văn phòng làm việc và chung cư cao tầng";
  - + Chủ đầu tư: Liên doanh nhà đầu tư Công ty Cổ phần Vải Sợi May mặc Miền Bắc và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Nhật Anh;
  - + Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất 79 Lạc Trung và 605 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;
  - + Mục đích đầu tư: Đầu tư Tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ để bán hoặc cho thuê;
  - + Quy mô dự án: Đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp khối tại 02 khu đất trên (tổng diện tích 16.306 m<sup>2</sup>);
  - + Tổng mức đầu tư dự án dự kiến: 1.889.340.000.000 VND;
  - + Nguồn vốn đầu tư: Giai đoạn 1 Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc góp 75% tương ứng 283.401.000.000 VND và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Nhật Anh góp 25% tương ứng 94.467.000.000 VND; Giai đoạn 2 các bên thỏa thuận giá trị phần vốn góp của mỗi bên dựa trên diện tích và đơn giá xây dựng;
  - + Thời gian thực hiện dự án: Theo tiến độ được duyệt;
  - + Do đặc thù của dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã có Văn bản số 2467/KH&ĐT-NNS ngày 27/04/2018 về việc đề xuất nghiên cứu lập và triển khai dự án đầu tư theo hình thức hợp khối tại khu đất số 79A Lạc Trung và 605 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Trong đó Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đề xuất với Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội kiểm tra sự phù hợp với quy hoạch và hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu đất theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị, đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và pháp luật hiện hành;
  - + Tình trạng dự án đến 30/06/2024: Đã nộp hồ sơ và đang chờ phê duyệt của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội.

## 28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

## 29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Liên doanh SACIDELTA	Công ty liên kết của Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta - Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể của Công ty
Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ Delta-V	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể của Công ty
Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể của Công ty
Bà Trần Minh Quỳnh Dung	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể của Công ty
Ông Phạm Hoàng Long	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể của Công ty
Bà Nguyễn Thị Diệu Thuý	Thành viên HĐQT
Ông Trần Thành Vinh	Tổng giám đốc Công ty
Bà Nguyễn Xuân Thu	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Đức Chung	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Phùng Thị Kim Lan	Thành viên HĐQT
Ông Chu Hoàng Nam	Thành viên HĐQT
Bà Bùi Thị Minh Phương	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Đức Hà	Thành viên Ban kiểm soát
	Thành viên Ban kiểm soát
	Kế toán trưởng

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
<b>Cố tức phải trả và đã trả</b>	<b>3.687.396.000</b>	<b>2.765.547.000</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ Delta-V	1.596.823.200	1.197.617.400
Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	1.596.823.200	1.197.617.400
Bà Trần Minh Quỳnh Dung	493.749.600	370.312.200
Ông Phạm Hoàng Long	552.689.600	414.517.200



Thu nhập của người quản lý chủ chốt

Chức vụ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm	
	2024	2023	
	VND	VND	
<b>Thù lao thành viên Hội đồng quản trị</b>			
- Nguyễn Thị Diệu Thùy	Chủ tịch HĐQT	48.000.000	48.000.000
- Trần Thành Vinh	Phó chủ tịch HĐQT	27.000.000	27.000.000
- Phạm Hoàng Long	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
- Nguyễn Xuân Thu	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
- Trần Đức Chung	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023)	24.000.000	9.330.000
- Trần Thị Quỳnh Giao	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023)	-	14.670.000
		<b>147.000.000</b>	<b>147.000.000</b>
<b>Thù lao thành viên Ban kiểm soát</b>			
- Phùng Thị Kim Lan	Trưởng Ban kiểm soát	84.000.000	77.200.000
- Chu Hoàng Nam	Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023)	12.000.000	4.670.000
- Bùi Thị Minh Phương	Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023)	12.000.000	4.670.000
- Lê Thị Dung	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023)	-	7.330.000
- Nguyễn Thu Hường	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023)	-	7.330.000
		<b>108.000.000</b>	<b>101.200.000</b>
<b>Tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác</b>			
- Phạm Hoàng Long	Tổng Giám đốc	150.500.000	170.500.000
- Nguyễn Thị Đức Hà	Kế toán trưởng	129.000.000	124.250.000
		<b>279.500.000</b>	<b>294.750.000</b>

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

### 30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Đức Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Hoàng Long

